

PHỤ NỮ VÀ SINH NỮ TỪ GÓC NHÌN SINH HỌC ĐẾN GÓC NHÌN VĂN HÓA

VÕ SÔNG HƯƠNG*

Trong tất cả các nghiên cứu về phụ nữ, chức năng tái sản xuất con người, tái sản xuất sức lao động của họ thường xuyên được đề cập đến. Nhân loại xem phụ nữ và sinh nữ là mối quan hệ không thể tách rời. Bài viết sẽ đi tìm nguyên nhân của mối quan hệ này từ hai góc nhìn sinh học và văn hóa, đồng thời tìm hiểu thực trạng của mối quan hệ này trong cuộc sống hiện đại.

Từ khóa: phụ nữ, sinh nữ, sinh học, văn hóa, gắn bó tất yếu

Nhận bài ngày: 30/5/2016; *đưa vào biên tập:* 5/6/2016; *phản biện:* 25/6/2016; *duyet đăng:* 16/10/2017

1. PHỤ NỮ VÀ SINH NỮ - TỪ GÓC NHÌN SINH HỌC

Trong các tư liệu y học từ thời Hy Lạp cổ đại cho đến cuối thế kỷ XVIII, mọi người đều đồng thuận “phụ nữ có bộ phận sinh dục giống như đàn ông”, chỉ khác là “thân nhiệt mát mẻ của nữ giới đã không cho phép cơ quan sinh sản của họ đưa ra ngoài cơ thể, nó được giữ lại bên trong để tạo ra một nơi an toàn cho quá trình thụ thai và thai nghén” (Theo Emily Martin 2001: 27). Ngay từ những nghiên cứu sớm nhất về cơ thể con người, người ta đã thấy được một điều rất đặc biệt là cơ thể người phụ nữ được cấu tạo theo cách phù hợp nhất với việc sinh con.

Hiện tượng liên quan mật thiết đến việc sinh nở của phụ nữ, *kinh nguyệt*, là một đề tài lớn cho khoa học tự

nhiên lẫn khoa học xã hội.

Trong khoa học tự nhiên, theo quan niệm về sự thanh tẩy của Hippocrates vào thế kỷ XVII, phụ nữ có khuynh hướng lạnh hơn và ít hoạt động hơn đàn ông, cho nên trong khi đàn ông tiết mồ hôi để loại bỏ những chất bẩn trong máu thì phụ nữ phải hành kinh để thải bỏ những ô uế của cơ thể. (theo Emily Martin 2001: 27). Đến thế kỷ XIX, ngành y học xem việc hành kinh và mãn kinh như một bệnh lý. Havelock Ellis cho rằng phụ nữ “bị thương định kỳ” tại điểm nhạy cảm nhất của họ và nhấn mạnh: “ở người nữ khỏe mạnh nhất, tuy họ không cảm nhận được cơn đau vô hại đó, nó vẫn gặm nhấm từ từ phần rể của sự sống”. Còn mãn kinh là một cuộc khủng hoảng có khả năng gây ra nhiều bệnh tật (theo Emily Martin 2001: 52). Dần dần, cùng với sự phát triển của ngành y học, cơ thể học, các nhà khoa học đã nhận ra mối liên hệ mật thiết giữa

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

việc hành kinh với việc sinh sản: “Từ lần hành kinh đầu tiên cho đến lúc mãn kinh, vùng dưới đồi đóng vai trò như *nhạc trưởng của một ban nhạc được đào tạo đẳng cấp*. Một khi gậy chỉ huy ra dấu nốt đầu của bản nhạc thì vùng dưới đồi - tuyến yên - và buồng trứng *bắt đầu bản thông điệp giao hưởng*, chuẩn bị cho cơ thể người phụ nữ thụ thai và mang thai” (Emily Martin 2001: 41).

Trong khoa học xã hội, hầu hết các nền văn hóa từ Đông sang Tây đều xem kinh nguyệt là biểu hiện của sự ứ đọng, đằm gở; người phụ nữ hành kinh là người đang bị nhiễm bẩn, là người sẽ mang đến những điều rất tồi tệ, vì vậy mọi người cần phải tránh xa. Bản thân người phụ nữ trong thời kỳ đó cũng bị cấm thực hiện một số việc, hay tham gia vào một số sự kiện của cộng đồng, đặc biệt là những việc liên quan đến thần linh và các công việc của đàn ông – nhất là chiến đấu và săn bắn (Xem chi tiết trong James George Frazer 2007: 543-546, Triều Sơn 2010: 47-49).

Ngày nay khoa học đã cho thấy, từ khi còn là một bé gái mới sinh ra, trong bụng em bé đã có hàng ngàn quả trứng non ở hai buồng trứng nằm trong bụng. Từ khoảng 8 tuổi trở đi, buồng trứng được đánh thức bằng chất FSH ở não thùy và bắt đầu hoạt động, tiết ra các chất kích thích tố estrogen làm cô bé trở thành thiếu nữ với xương chậu nở to, ngực phát triển với các tuyến sữa được hình thành dưới ảnh hưởng của các hoocmon,

hiện tượng kinh nguyệt xuất hiện... Tất cả những biến đổi đó đều nhằm để chuẩn bị cho việc sinh nở về sau. Sự trưởng thành về sinh lý của một em gái còn thể hiện qua khả năng mang vác khi có bầu, sinh nở, nuôi nấng và chăm sóc con trong tương lai, nên rất tự nhiên, các em gái đầy đặn, khỏe mạnh sẽ có kinh nguyệt sớm hơn các em gầy yếu. Khi kinh nguyệt đi vào chu kỳ ổn định, đó là lúc cơ thể đã hoàn toàn sẵn sàng cho việc duy trì nòi giống.

Hiện tượng kinh nguyệt gắn liền với *tử cung*, một bộ phận đặc biệt trong cơ thể của người phụ nữ mà đàn ông không có. Nó có khả năng thay đổi hình dáng, kích thước và có cơ chế hoạt động rất kỳ diệu. Tử cung là ngôi nhà đầu đời của một đứa trẻ, luôn trong tư thế sẵn sàng để chờ đón những bào thai. Khi ngôi nhà không dùng đến, không có sự thụ thai, tử cung dẹp nó đi bằng hiện tượng kinh nguyệt. “Hành kinh là do tử cung khóc rống vì thiếu em bé” (Emily Martin 2001: 45). Các nhà khoa học còn cho rằng phụ nữ thường có vẻ gì đó mất kiểm soát lúc hành kinh là vì “họ không sinh sản, không tiếp tục nòi giống, không chuẩn bị ở nhà với con, không cung cấp được một tử cung an toàn, ám áp để nuôi dưỡng tinh trùng của đàn ông” (Emily Martin 2001: 47). Một hiện tượng mà phụ nữ dường như phải đối mặt hàng tháng đã được xem là một biểu hiện của sự đau buồn, của tâm lý tiêu cực do không thành công trong việc sinh nở! Nếu quả

đúng là như vậy thì quãng đời tươi đẹp nhất của người phụ nữ (từ khi dậy thì đến khi mãn kinh), phần lớn lại là quãng đời bi quan nhất! Cách ví von của các nhà khoa học phương Tây đã thể hiện cái nhìn đương nhiên về mối quan hệ khăng khít giữa phụ nữ với việc sinh con.

Nhưng có lẽ cách nhìn đó không sai, vì người ta đã nhận thấy rằng cấu tạo và cách thức hoạt động của cơ thể phụ nữ khiến họ phải tiêu hao rất nhiều về thể chất và tâm trí cho công việc sinh nở. Như nhà nhân học De Beauvoir đã nhận xét, khi không dùng cho việc sinh nở thì các bộ phận và các hiện tượng tự nhiên phục vụ cho việc sinh nở lại không có chức năng gì rõ rệt đối với tình trạng sức khỏe và sự ổn định của người phụ nữ, thậm chí còn khiến cho họ phải thường xuyên đối diện với lo âu, phiền toái, thiệt thòi, nguy hiểm và phải tìm cách sống phù hợp với các hoạt động thường kỳ của chúng. Từ việc thích nghi với hoạt động của buồng trứng, từ việc phải chịu đựng những phiền toái của kinh nguyệt đến những suy kiệt sức lực do các khoáng chất và vitamin được chuyển qua cho thai nhi một cách hoàn toàn tự động khi mang thai, những đau đớn và hiểm nguy phải chấp nhận khi sinh nở... tất cả những lý do sinh học ấy đều khiến người phụ nữ được xem là “nô lệ cho loài” hơn so với đàn ông (Sherry B. Ortner 2000: 496).

2. PHỤ NỮ VÀ SINH NỞ - TỪ GÓC NHÌN VĂN HÓA HỌC

“Nô lệ cho loài” là khái niệm được nhà nhân học Sherry B. Ortner nhắc đến trong bài viết “*Is female to male as nature to culture?*” Vì là “nô lệ cho loài”, vì những đặc điểm sinh học đặc biệt, người phụ nữ gần với tự nhiên hơn so với đàn ông. Phụ nữ chỉ quanh quẩn với việc duy trì giống nòi, chỉ tạo ra “những vật khả biến” là con người trong khi đàn ông có thể “cải tạo lại bộ mặt trái đất, sáng tạo nên những công cụ mới, sáng chế và phác thảo diện mạo tương lai”, vì vậy mà đàn ông gần với văn hóa hơn so với phụ nữ. Điều đó giải thích vì sao trong hầu hết các nền văn hóa, phụ nữ luôn bị đánh giá thấp hơn đàn ông. Các nhà nhân học đã phân tích rằng phụ nữ thuộc “giới sinh sản”, đàn ông thuộc “giới sát hại”, và do bản chất cuộc sống là phải “mạo hiểm” nên “giới sát hại” có ưu thế hơn “giới sinh sản”. Hơn nữa, các hoạt động săn bắn và chiến tranh do “giới sát hại” phụ trách đã làm cho con người vượt qua các loài động vật khác, vì vậy mà đàn ông được xem là có uy quyền và sức mạnh hơn phụ nữ. (Theo Sherry B. Ortner 2000: 496, 497).

Cùng với cái nhìn đó, trong quan niệm của nhiều xã hội truyền thống, nếu một người phụ nữ không sinh nở, không tập trung nuôi con thì đó là việc trái với lẽ thường.

Vào những năm 1930, 1940, trong xã hội Mỹ và phương Tây, lý thuyết về gia đình hạt nhân, gia đình quy chuẩn của các nhà xã hội học rất phổ biến trong khoa học và trong cả cách thức quản lý xã hội. Với kiểu gia đình đó,

đàn ông là người làm chủ gia đình, chịu trách nhiệm gánh vác kinh tế, phụ nữ là người sinh đẻ, nuôi con và chăm sóc các thành viên trong gia đình. Cả xã hội đều đồng lòng xem phụ nữ là người duy nhất phù hợp với công việc của người vợ, người mẹ; vị trí của họ không phải ở trong các công sở mà là ở nhà, với nhiệm vụ lớn nhất là nuôi con. Vì vậy mà phụ nữ phương Tây đã từng trải qua một thời kỳ không thể xin việc làm, chỉ có một lựa chọn duy nhất cho cuộc đời là lập gia đình, sinh con, cuộc sống hoàn toàn phụ thuộc vào chồng. Cho đến khi các nhà nữ quyền lên tiếng phê phán cách nhìn nhận sai lệch về vị trí vai trò của nam và nữ trong xã hội, phê phán việc đề cao thái quá vai trò sinh nở của người phụ nữ trong các gia đình hạt nhân, phê phán một thái độ xem trọng quyền lực của nam giới, thì xã hội phương Tây mới chịu thừa nhận rằng cách nghĩ phụ nữ tất yếu gắn bó với sinh nở là cách nghĩ, cách nhìn rất phiến diện. Vì không phải người phụ nữ nào cũng sinh nở thuận lợi, nuôi con đơn giản và suôn sẻ, không phải người phụ nữ nào cũng muốn có con. Phụ nữ đã bị tước đi cái quyền tự quyết định chuyện sinh nở, một vấn đề rất riêng của cá nhân mình. Và phụ nữ phương Tây ngày nay đã tự giải phóng mình theo cách mà ta đang thấy, mặc dù đó đây vẫn còn có nhiều ý kiến trái chiều. Họ có quyền từ chối việc sinh con bằng nhiều cách tránh thai, có quyền tự quyết định giữ thai hay bỏ thai, có quyền có con mà không cần phải có chồng...

Ở phương Đông, nếu đến Bali, người ta sẽ bắt gặp những bé gái 2, 3 tuổi với cái bụng nhỏ xíu cứ cố tình đi ưỡn ra cho mấy bà lớn tuổi trêu ghẹo “bầu bí”; và những cô gái trẻ mà nếu ai đó hỏi “Tên em là I Tewa hả?” thì cô ấy sẽ trả lời: “Em là Men Bawa” (mẹ của Bawa)! (Theo Betty Friedan 2015: 201, 204). Những em bé gái, những người phụ nữ phương Đông ấy đều được truyền dạy rằng, họ được sinh ra, lớn lên để rồi phải có con, vì họ là nữ giới!

Trong nền văn hóa nông nghiệp Việt Nam, quan niệm phụ nữ phải sinh con cũng được nhấn mạnh không kém. Nó phổ biến từ trong xã hội truyền thống đến xã hội hiện đại, tàn suất chỉ đậm nhạt tùy theo mức độ thành thị hóa. Với một dân tộc chuyên làm nông, luôn gắn bó với việc nuôi trồng, sinh sản thì câu hỏi xã giao “Anh/chị có mấy cháu rồi?” ngay trong lần đầu gặp nhau là điều dễ hiểu. Với hầu hết người Việt, “Đàn bà không con như cây không trái”, thậm chí còn nặng nề hơn: “Cây khô không có lộc, người độc không có con”. Người Việt không phải chỉ trông có con mà còn trông “con đàn cháu đống”; người phụ nữ nào, cũng như gia đình nào, sinh được nhiều con thì đó là người, là gia đình có nhiều phúc đức: *“Mừng cây rồi lại mừng cành/ Cây đức lắm chồi, người đức lắm con”*... Sinh nở không còn là chuyện tự nhiên, mà là một trách nhiệm, một áp lực đối với phụ nữ. Nếu không sinh được con, nguyên nhân thường bị quy về nữ giới.

Tinh thần của Phật giáo về lòng hiếu thảo và ghi nhớ công ơn người mẹ

được người Việt lĩnh hội rất sâu sắc. Hằng đêm trong lời ru của bà, của mẹ, mỗi đứa trẻ Việt Nam đều được học những bài học đầu đời: *Công cha như núi Thái Sơn/ Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra/... hay: Công cha trượng lẫm cha ơi/ Ngãi mẹ bằng trời chín tháng cưu mang...* (Nguyễn Xuân Kính, Phan Đăng Nhật 2001: 712). Vào dịp rằm tháng 7 âm lịch, người Việt theo đạo Phật tổ chức Lễ Vu lan rất quy mô để bày tỏ lòng biết ơn công lao sinh thành và dưỡng dục của người mẹ. Lễ Vu lan là một sự kiện không chỉ thu hút các tín đồ Phật giáo mà còn có ảnh hưởng sâu đậm đến đời sống xã hội. Trong những ngày lễ, trên các phương tiện truyền thông luôn đầy ắp các chương trình về người mẹ. Hiện nay, cả xã hội Việt Nam tôn vinh những *Bà mẹ Việt Nam anh hùng*, là những bà mẹ đã sinh ra những người con cho Tổ quốc.

Không phải chỉ có ở Việt Nam, hầu hết các quốc gia đều có truyền thống biết ơn và ca ngợi công lao người mẹ. Nhìn việc này ở một góc độ khác, các nhà nữ quyền trên thế giới đã cho rằng khi đưa hình tượng người mẹ lên thành huyền thoại, người đời đã vô tình buộc mọi người phụ nữ phải làm mẹ; vô tình tạo nên quan niệm người phụ nữ chỉ sống cuộc đời trọn vẹn của mình khi có con. Xã hội đã không nhìn thấy những khía cạnh tiêu cực của áp lực sinh con và làm mẹ đối với phụ nữ. Tại Việt Nam các làn sóng nữ quyền nếu có thì vẫn chưa đủ mạnh để chống lại sức ỳ văn hóa,

chống lại các tư tưởng, quan niệm xưa cũ nhằm bênh vực cho người phụ nữ trong việc tự do quyết định chuyện sinh nở.

3. PHỤ NỮ VÀ SINH NỞ - NHÌN TỪ ĐỜI SỐNG HIỆN ĐẠI

Vẫn còn nhiều ý kiến tranh luận về mối quan hệ giữa phụ nữ với sinh nở. Mối quan hệ ấy có tất yếu hay không? Có lẽ cần thêm nhiều thời gian, nhiều công trình khoa học để tìm ra câu trả lời cuối cùng. Hiện nay, chỉ biết rằng phần đông phụ nữ ở phương Đông lẫn phương Tây vẫn có quan điểm thuận theo những cấu tạo sinh học và những phân công xã hội có sẵn từ trong tiềm thức, có khuynh hướng gắn bó cuộc đời mình với việc sinh nở. Nhiều người phụ nữ tìm thấy niềm hạnh phúc trong việc chăm sóc nuôi dạy con cái, hài lòng với cuộc sống đơn giản và hy sinh cho gia đình; nhiều người tìm thấy ý nghĩa của cuộc đời trong việc tạo ra những con người mới, để lại một phần hình ảnh của mình qua những thế hệ tiếp theo; nhiều người do bản năng muốn chia sẻ tình cảm nên khát khao được sinh nở, ấm lòng... Việc sinh con và nuôi con chiếm phần lớn thời gian trong cuộc đời người phụ nữ, đặc biệt là giai đoạn thanh xuân. Người mẹ phải dành mọi thời gian và sức lực của mình cho việc chăm sóc con, nhất là trong giai đoạn đầu đời, người mẹ là người đầu tiên “xã hội hóa đứa trẻ, chuyển đứa trẻ sơ sinh thuần túy sinh vật trở thành con người của văn hóa” (Sherry B. Ortner 2000: 501).

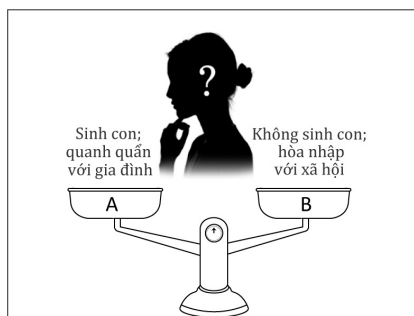
Ở các nước phát triển và đang phát triển, người ta đã chứng minh rằng việc nuôi con nhỏ đã làm giảm đáng kể khả năng tham gia vào lực lượng lao động của các bà mẹ. Ở Mỹ mỗi đứa trẻ ra đời làm giảm khả năng lao động ngoài xã hội của người mẹ từ 10-13%, tùy vào nhóm phụ nữ; ở Mexico là 12%; ở vùng thành thị Brazil là 12% (Ngân hàng Thế giới 2001: 184).

Vì vậy, dù đang ở trong thời hiện đại, nhiều người phụ nữ vẫn phải cân nhắc, lựa chọn, đấu tranh rất căng thẳng khi *buộc phải*, hoặc *muốn* thu nhỏ những ràng buộc của việc sinh đẻ để tham gia nhiều hơn các hoạt động xã hội.

Có những cuộc đấu tranh chỉ diễn ra bên trong bản thân mỗi người phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ ở các nước phát triển, khi họ phải cật vấn chính mình; nhưng còn có những cuộc chiến diễn ra gay gắt giữa người phụ nữ với những người thân trong gia đình và với dư luận xã hội, đặc biệt trong các xã hội, các nền văn hóa trọng nông.

Trong thời hiện đại, phụ nữ phải cân nhắc và lựa chọn giữa việc sống theo quy định của tự nhiên hay ưu tiên cho công việc ngoài xã hội

Hình 1.



Sự gắn kết giữa phụ nữ và sinh nở trong thời hiện đại không đơn giản, nhưng chúng tôi khái quát trong Hình 1 để mọi người dễ hình dung rằng:

Nếu chọn A: cuộc đời người phụ nữ chỉ bận bịu (và có thể mệt mỏi) với việc thai nghén, sinh nở, nuôi con, dạy con; quanh quẩn với gia đình.

Nếu chọn B: người phụ nữ hoàn toàn làm chủ thân thể, thời gian; hoàn toàn rảnh rang để tham gia vào các hoạt động xã hội.

Nếu chọn vừa A vừa B: vừa sinh con, vừa hoạt động xã hội, người phụ nữ phải vất vả hơn đàn ông gấp bội lần.

Để cân bằng vừa A vừa B, vừa việc sinh nở vừa việc xã hội, người phụ nữ có thể phải “hy sinh” mỗi bên một ít. Có thể thăng tiến chậm hoặc phải lập gia đình trễ hay sinh con muộn; có thể phải “kế hoạch” lâu ngày (một nguyên nhân gây vô sinh) để chu toàn sự nghiệp hay củng cố vị trí xã hội. Và khi có con, để không ảnh hưởng công việc, họ có thể phải đi làm sớm sau khi sinh, không được cho con bú sữa mẹ, không được gần con trong những tháng đầu đời (giai đoạn rất quan trọng để hình thành khí chất của đứa trẻ về sau)... Tất cả đều có thể đem lại những bất lợi cho sức khỏe của phụ nữ và sự phát triển của những đứa bé. Để hạn chế những bất lợi đó, phụ nữ cần có sự nỗ lực, sức bền bỉ gấp đôi đàn ông và cũng cần có những chế độ, chính sách hỗ trợ từ phía gia đình và xã hội.

Tóm lại, nhìn từ sinh học, người phụ nữ dường như được cấu tạo giống

một cỗ máy hoàn chỉnh để sinh con. Từ sinh học nhìn sang văn hóa học, những cấu tạo tự nhiên rất đặc biệt đã tạo nên những quan niệm, những định kiến gắn chặt người phụ nữ với việc sinh nở.

Phụ nữ và sinh nở có một mối quan hệ mà dù người phụ nữ có thừa nhận hay không thì nó vẫn có thật. Trong đời sống hiện đại, xử lý như thế nào cho

cân bằng mối quan hệ đó là quyền tự do của mỗi người phụ nữ. Xã hội bình đẳng và văn minh là xã hội biết tôn trọng mọi quyết định liên quan đến việc sinh nở của người phụ nữ; và người phụ nữ văn minh là người biết kết hợp hài hòa giữa quyền tự do cá nhân với trách nhiệm giới, trách nhiệm gia đình và nghĩa vụ xã hội. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Betty Friedan. 2015. *Bí ẩn nữ tính*, Nguyễn Vân Hà dịch, Đại học Hoa Sen, TPHCM. Nxb. Hồng Đức.
2. Emily Martin. 2001. *The Woman in the Body*, “Chương 3 (Ẩn dụ y học về cơ thể phụ nữ: Hành kinh và mãn kinh)” (tr. 27-53) và “Chương 4 (Ẩn dụ y học về cơ thể phụ nữ: Sinh nở)” (tr. 54-67) Võ Sông Hương dịch, Beacon Press, Boston.
3. James George Frazer. 2007. *Cành vàng – Bách khoa thư về văn hóa nguyên thủy*, Ngô Bình Lâm dịch. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật.
2. Lê Ngọc Văn. 2012. *Gia đình và biến đổi gia đình ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
4. Ngân hàng Thế giới. 2001. *Đưa giới vào phát triển thông qua sự bình đẳng giới về quyền, nguồn lực và tiếng nói*, Nguyễn Ngọc Khánh, Nguyễn Khánh Cẩm Châu, Ngô Hoàng Điệp, Hoàng Thanh Lê dịch. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin.
6. Nguyễn Xuân Kính, Phan Đăng Nhật. 2001. *Kho tàng ca dao người Việt*, tập 1, 2. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin.
7. Sherry B. Ortner. 2000. “*Từ nữ đến nam như từ tự nhiên đến văn hóa*”, *Lý thuyết Nhân loại học*, Lê Sơn Phương Ngọc, Nguyễn Hoàng Trung, Đinh Hồng Phúc, Chu Thị Quỳnh Dao, Đinh Hùng Dũng dịch. Hà Nội: Nxb. Từ điển Bách Khoa
8. Triều Sơn. 2010. *Phong tục dân gian kiêng kỵ trong văn hóa cổ phương Đông*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin.